

1 Cg' đư Hà PBT



Bộ Chính trị
07-06-2024 09:27:15 +07:00

BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Số 81-KL/TW

Hà Nội, ngày 04 tháng 6 năm 2024

**KẾT LUẬN
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**

**về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khoá XI
về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường
quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường**

VĂN PHÒNG TỈNH ỦY LAI CHÂU

ĐẾN

Số: 3902

Ngày: 10.6.24

Chuyên:

Xem xét Báo cáo của Ban cán sự đảng Bộ Tài nguyên và Môi trường tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khoá XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường; ý kiến của các cơ quan, Bộ Chính trị kết luận:

Sau 10 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khoá XI, nhận thức của toàn hệ thống chính trị, các tầng lớp nhân dân về ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường được nâng cao; hệ thống chính sách, pháp luật không ngừng được hoàn thiện; tổ chức bộ máy được kiện toàn, sắp xếp theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu quả. Việc chuyển đổi mô hình tăng trưởng gắn với cơ cấu lại nền kinh tế theo hướng tăng trưởng xanh, phát triển bền vững đạt được nhiều kết quả tích cực; mô hình kinh tế xanh, kinh tế số, kinh tế tuần hoàn, kinh tế cacbon thấp từng bước được triển khai. Việt Nam đã chủ động, tích cực, tham gia ký kết nhiều điều ước, thoả thuận quốc tế về ứng phó với biến đổi khí hậu, hợp tác quản lý, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường, qua đó khẳng định vị thế, vai trò ngày càng cao của Việt Nam trong giải quyết các vấn đề toàn cầu. Năng lực dự báo, cảnh báo thiên tai được nâng lên, dần tiệm cận trình độ các nước tiên tiến của Châu Á. Công tác điều tra cơ bản, đánh giá tiềm năng, trữ lượng các loại tài nguyên được đẩy mạnh; các nguồn lực tài nguyên được quy hoạch, quản lý, khai thác, sử dụng hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả và bền vững hơn. Công tác bảo vệ môi trường được chú trọng, đổi mới mạnh mẽ với chủ trương xuyên suốt không đánh đổi môi trường lấy tăng trưởng kinh tế đơn thuần; từng bước chuyển từ bị động ứng phó sang chủ động phòng ngừa, kiểm soát, phục hồi; công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, bảo tồn đa dạng sinh học tiếp tục được đẩy mạnh, diện tích và độ che phủ rừng không ngừng tăng lên.

Bên cạnh kết quả đạt được vẫn còn những hạn chế, yếu kém: Phương thức quản lý tổng hợp và thống nhất, liên ngành, liên vùng trong ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường chưa được

triển khai đồng bộ, toàn diện; cơ sở dữ liệu chưa bảo đảm đồng bộ, liên thông, nhất là tính đầy đủ, chính xác, cập nhật. Hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai ở nhiều địa phương còn thiếu và yếu; hoạt động kiểm kê, giảm phát thải khí nhà kính chưa mang lại kết quả rõ rệt, nhất là tại các doanh nghiệp phát thải lớn. Nguồn lực đầu tư cho công tác điều tra cơ bản địa chất, tài nguyên khoáng sản, tài nguyên biển, ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu; công tác lập quy hoạch khai thác, sử dụng tài nguyên chưa bảo đảm chất lượng, tiến độ; quản lý, bảo vệ tài nguyên rừng, nguồn lợi thủy sản và quy hoạch năng lượng tái tạo còn bất cập; tình trạng sạt lở, sụt lún, cháy rừng chưa có giải pháp khắc phục hiệu quả. Ô nhiễm môi trường chậm được khắc phục, nhất là tại một số làng nghề, cụm công nghiệp, lưu vực sông; hạ tầng kỹ thuật về bảo vệ môi trường, đặc biệt trong thu gom, xử lý chất thải rắn, nước thải sinh hoạt còn thiếu, chưa đồng bộ; ô nhiễm không khí vẫn còn xảy ra tại một số đô thị lớn; công tác bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học chưa đạt mục tiêu đề ra.

Những hạn chế, yếu kém trên có nguyên nhân khách quan nhưng chủ yếu là do nhận thức, ý thức trách nhiệm quản lý của một số cấp uỷ đảng, chính quyền, một bộ phận người dân, doanh nghiệp về công tác ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý, bảo vệ tài nguyên và bảo vệ môi trường chưa đầy đủ. Bộ máy quản lý nhà nước, công cụ quản lý và hệ thống chính sách, pháp luật chưa đồng bộ, một số lĩnh vực còn phân tán, chồng chéo, thực thi thiếu hiệu quả; cơ chế điều phối, phối hợp liên vùng, liên ngành còn bất cập, chưa đáp ứng được yêu cầu quản lý. Việc thể chế hoá một số nội dung của Nghị quyết thành các quy định của pháp luật, chính sách của Nhà nước còn chậm, chưa đầy đủ, toàn diện; công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực thi chính sách, pháp luật chưa hiệu quả; sự tham gia giám sát, phản biện của các tổ chức chính trị - xã hội, cộng đồng dân cư còn hạn chế. Vi phạm pháp luật liên quan đến ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường còn xảy ra ở nhiều địa phương.

Để tiếp tục thực hiện hiệu quả Nghị quyết trong thời gian tới, Bộ Chính trị yêu cầu các cấp uỷ, tổ chức đảng, chính quyền, cơ quan tiếp tục tổ chức thực hiện quyết liệt các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp được nêu trong Nghị quyết, Kết luận số 56-KL/TW, ngày 23/8/2019 của Bộ Chính trị khoá XII; đồng thời tập trung thực hiện tốt một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm sau:

1. **Đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục, tạo sự thống nhất trong nhận thức và hành động của toàn xã hội về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai, quản lý, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường theo xu thế chuyển đổi xanh, phát triển kinh tế xanh, cacbon thấp, kinh tế**

tuần hoàn, phục hồi hệ sinh thái; hướng đến đạt được mục tiêu phát triển bền vững và trung hoà cacbon. Thúc đẩy mạnh mẽ chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo, ứng dụng thành tựu của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; phát huy vai trò trung tâm, chủ thể của người dân, doanh nghiệp. Coi thích ứng với biến đổi khí hậu và thực hiện mục tiêu phát thải ròng bằng "0" là thách thức, đồng thời cũng là cơ hội để phát triển bền vững, góp phần xây dựng và phát triển nền kinh tế độc lập, tự chủ, chủ động hội nhập sâu rộng, thực chất.

2. Tiếp tục kiện toàn, củng cố bộ máy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; rà soát, hoàn thiện và tổ chức thực thi có hiệu quả hệ thống chính sách, pháp luật về ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường. Triển khai đầy đủ, toàn diện Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Luật Tài nguyên nước năm 2023, Luật Đất đai năm 2024; xây dựng Luật Địa chất và Khoáng sản; sửa đổi, bổ sung Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo. Chú trọng hoàn thiện các cơ chế, chính sách về quản lý tổng hợp, điều phối các vấn đề liên ngành, liên vùng, liên lĩnh vực; xây dựng cơ chế, chính sách huy động nguồn lực, đổi mới các công cụ kinh tế, tiếp cận thị trường về ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường. Nghiên cứu ban hành Chiến lược tổng thể quốc gia phòng ngừa, ứng phó với các đe dọa an ninh phi truyền thống đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Hoàn thiện các quy hoạch, phương án, kế hoạch phòng ngừa, ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường. Tăng cường hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực thi chính sách, pháp luật, phòng, chống tội phạm, xử lý vi phạm pháp luật; nâng cao vai trò, hiệu quả công tác phản biện của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và cộng đồng dân cư về ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

3. Đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi xanh, kinh tế tuần hoàn, chuyển đổi năng lượng công bằng; tập trung nguồn lực giải quyết các nguy cơ cạn kiệt tài nguyên, ô nhiễm môi trường, suy giảm các hệ sinh thái. Thúc đẩy phát triển, ứng dụng các mô hình kinh tế tuần hoàn trong các ngành, lĩnh vực, các vùng, miền, ở từng cấp độ. Từng bước giảm dần sự phụ thuộc vào nhiên liệu hoá thạch, chuyển mạnh sang phát triển và sử dụng năng lượng sạch, năng lượng tái tạo. Có chính sách thu hút các dự án đầu tư xanh, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả năng lượng và tài nguyên.

4. Thường xuyên cập nhật kịch bản, hoàn thiện các phương án, kế hoạch phòng ngừa, ứng phó với biến đổi khí hậu. Ưu tiên đầu tư hoàn thiện hệ thống hạ tầng ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai; tiếp tục nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo; chủ động ứng phó với sạt lở đất, lũ quét khu vực miền núi, trung du; thực hiện giải pháp tổng thể về phòng, chống xâm nhập mặn, sạt lở bờ sông, bờ biển, sụt lún vùng đồng bằng sông Cửu Long; chú trọng

công tác di dời, tái định cư cho người dân ở các khu vực có nguy cơ rủi ro thiên tai cao. Chủ động dự trữ nguồn lực cho các hoạt động khắc phục, tái thiết và phát triển trở lại trạng thái bình thường cho các đối tượng bị ảnh hưởng do thiên tai, biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường gây ra. Xây dựng và thực hiện kế hoạch giảm phát thải khí nhà kính của từng ngành, lĩnh vực, nhất là xây dựng, giao thông, nông nghiệp; thiết lập và vận hành hiệu quả thị trường cacbon.

5. Chú trọng nâng cao hiệu quả công tác điều tra cơ bản tài nguyên địa chất, khoáng sản, đặc biệt là tài nguyên biển; xây dựng và hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu bảo đảm đồng bộ, liên thông đáp ứng yêu cầu công tác quản lý. Tăng cường biện pháp khai hoang, phục hoá, lấn biển, đưa diện tích đất chưa sử dụng vào sử dụng. Kiểm soát chặt chẽ, hiệu quả hoạt động khai thác khoáng sản, đặc biệt là khai thác cát sỏi lòng sông, bờ biển; thúc đẩy khai thác gắn với chế biến sâu các loại khoáng sản chiến lược. Xây dựng hệ thống thông tin, chuyển đổi số trong điều hoà, phân phối tài nguyên nước; khai thác, sử dụng hiệu quả, bảo đảm an ninh nguồn nước. Tăng cường trao quyền quản lý, bảo vệ và phát triển rừng cho cộng đồng; mở rộng các khu bảo tồn biển. Tổ chức thực hiện hiệu quả Quy hoạch không gian biển quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

6. Tập trung nguồn lực để giải quyết hiệu quả các vấn đề cấp bách về môi trường, đặc biệt là xử lý nước thải tại các đô thị, cụm công nghiệp, làng nghề; cải tạo, phục hồi các lưu vực sông, hồ chứa, công trình thủy lợi bị ô nhiễm nghiêm trọng. Xây dựng hạ tầng phân loại, thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt; phát triển ngành công nghiệp tái chế; đẩy mạnh xử lý kết hợp thu hồi năng lượng, hạn chế chôn lấp; giảm thiểu rác thải nhựa. Nâng cao chất lượng môi trường không khí ở các đô thị, khu vực đông dân cư. Bảo đảm cung cấp nước sạch cho Nhân dân; bảo vệ, phục hồi các hệ sinh thái tự nhiên, đặc biệt là các hệ sinh thái rừng, đất ngập nước, rạn san hô, thảm cỏ biển; mở rộng, tăng số lượng, diện tích các khu bảo tồn thiên nhiên, đồng thời có biện pháp quản lý hiệu quả đa dạng sinh học vùng đệm khu bảo tồn thiên nhiên. Bảo vệ nghiêm ngặt các loài động vật hoang dã, đặc biệt là các loài động vật nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ, loài di cư.

7. Tổ chức thực hiện

- Các cấp uỷ, tổ chức đảng, chính quyền tiếp tục quán triệt, tổ chức thực hiện Nghị quyết, Kết luận số 56-KL/TW và Kết luận này. Xây dựng và lồng ghép các định hướng về ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường trong quá trình xây dựng Báo cáo chính trị trình Đại hội XIV của Đảng và đại hội đảng bộ các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2030.

- Đảng đoàn Quốc hội lãnh đạo, chỉ đạo việc rà soát, sửa đổi, bổ sung, xây dựng pháp luật có liên quan, hoàn thiện khung khổ pháp lý đủ mạnh, thống nhất, hiệu quả, ưu tiên bố trí nguồn lực để ứng phó với biến đổi khí hậu, chủ động phòng, chống thiên tai, quản lý, khai thác, sử dụng hiệu quả tài nguyên và bảo vệ môi trường.

- Ban cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo rà soát, sửa đổi, bổ sung, xây dựng các văn bản hướng dẫn thi hành các luật liên quan đến công tác ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường. Xây dựng các chương trình, dự án của Chính phủ về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn; thực hiện một số dự án cấp bách để khắc phục ô nhiễm, khôi phục các dòng sông chết, xử lý nước thải của các cụm công nghiệp, làng nghề...; nghiên cứu đề xuất xây dựng Nghị quyết về bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu để trình Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIV.

- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội đẩy mạnh vận động các tầng lớp nhân dân tích cực tham gia và giám sát việc thực hiện Nghị quyết, Kết luận và chính sách, pháp luật về ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

- Ban Tuyên giáo Trung ương chủ trì tổ chức tuyên truyền, phổ biến, quán triệt Nghị quyết, Kết luận số 56-KL/TW và Kết luận này đến các cấp uỷ đảng, đảng viên và Nhân dân.

- Ban Kinh tế Trung ương chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc sơ kết, tổng kết Nghị quyết, Kết luận số 56-KL/TW và Kết luận này, định kỳ báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

Nơi nhận:

- Các tỉnh uỷ, thành uỷ,
- Các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng uỷ trực thuộc Trung ương,
- Ban Bí thư Trung ương
Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh,
- Các đảng uỷ đơn vị sự nghiệp Trung ương,
- Các đồng chí Uỷ viên
Ban Chấp hành Trung ương Đảng,
- Lưu Văn phòng Trung ương Đảng.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ



Lương Cường

TỈNH ỦY LAI CHÂU
VĂN PHÒNG
*
Số 185-BS/VPTU

SAO LỤC

Lai Châu, ngày 12 tháng 6 năm 2024

Nơi nhận:

- Các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn,
Ban Thường vụ Tỉnh đoàn,
- Các huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc,
- Lưu VPTU.

K/T CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG



Nguyễn Quang Khải
Nguyễn Quang Khải